



照護伴隨

專業且值得信賴



LINE 照護伴隨

掃我就對了

連絡電話:

02-6626-9168 分機 184

Email:

Longtermcare@media-wind.com.tw

機構地址:

台北市信義路五段五號2B21室

PatientsForce
FORWARD HEALTH COMPLETE TREATMENT

照護伴隨

采鈺照護伴隨

居家長照機構

Home services



- ✓ 提供您專業照顧
- ✓ 為您減輕照顧負擔

Bốn khoản trợ cấp

Nếu đủ điều kiện sau thẩm định, bốn khoản chi phí này do nhà nước chi trả, giảm mạnh gánh nặng chăm sóc.

Đổi tượng (được Trung tâm Quản lý CSDH thẩm định từ cấp 2 trở lên): người từ 65 tuổi; người bản địa từ 55 tuổi; người sa sút trí tuệ từ 50 tuổi; người khuyết tật mất năng lực.

Chăm sóc & dịch vụ chuyên môn

Dịch vụ tại nhà, chăm sóc ban ngày, gửi dưỡng gia đình; vật lý trị liệu, hoạt động trị liệu, điều dưỡng, dinh dưỡng hướng dẫn tại nhà.

Mức trợ cấp **10.020–36.180 NT\$/tháng** theo cấp 2–8

Đưa đón

Đưa đón giữa nhà và cơ sở CSDH, hoặc đến bệnh viện khám bệnh, phục hồi chức năng, chạy thận.

Mức trợ cấp **1.680–2.400 NT\$/tháng** theo khu vực

Dụng cụ trợ giúp & cải tạo nhà

Mua hoặc thuê xe lăn, xe điện và dụng cụ trợ giúp; lắp tay vịn, tháo bậc cửa để nhà không rào cản.

Mức trợ cấp **Tối đa 40.000 NT\$/3 năm**

Dịch vụ thay thế (nghỉ ngơi)

Khi người chăm sóc chính cần nghỉ, đưa người thân đến trung tâm ban ngày, cơ sở nội trú hoặc nhân viên đến nhà chăm sóc.

Mức trợ cấp **32.340 / 48.510 NT\$/năm** theo cấp

Bảng mức trợ cấp CSDH

Xem bạn thuộc cấp mấy và được dùng bao nhiêu trợ cấp mỗi tháng/năm

Mức độ mất năng lực:

Nhẹ — cấp 2–3

Vừa — cấp 4–6

Nặng — cấp 7–8

Cấp CSDH	Chăm sóc & chuyên môn mức/tháng (NT\$)	Dịch vụ nghỉ ngơi mức/năm (NT\$)
Cấp 2 NHẸ	10,020	32,340
Cấp 3 NHẸ	15,460	32,340
Cấp 4 VỪA	18,580	32,340
Cấp 5 VỪA	24,100	32,340
Cấp 6 VỪA	28,070	32,340
Cấp 7 NẶNG	32,090	48,510
Cấp 8 NẶNG	36,180	48,510

Ví dụ Một ca cấp 3 dùng như thế nào

Bà Vương được thẩm định **cấp 3**, mức **15.460 NT\$/tháng**. Quản lý ca của **đơn vị A** lập kế hoạch chăm sóc và mở các mục dịch vụ, nhân viên đến nhà phục vụ:

Mục dịch vụ được mở	Đơn giá	Lần/tháng	Thành tiền
BA02 Chăm sóc sinh hoạt cơ bản	195	12	2,340
BA05 Chăm lo bữa ăn	310	20	6,200
BA07 Hỗ trợ tắm & gội đầu	325	12	3,900
BA03 Đo dấu hiệu sinh tồn	35	12	420
BA13 Đi cùng ra ngoài	195	6	1,170
Tổng đã dùng	≤ 15,460		14,030

Hộ thường (nhóm 3) chỉ trả 16%, khoảng **2.245 NT\$**; phần còn lại nhà nước chi trả. Còn dư 1.430 NT\$ dùng linh hoạt (Minh họa; thực tế theo kế hoạch được duyệt)

Đồng chi trả: nhóm 1 (hộ nghèo) 0% · nhóm 2 5–10% · nhóm 3 16–30%. Cấp và mức thực tế do Trung tâm Quản lý CSDH quyết định — gọi **1966**.



Dịch vụ gia tăng

- Mọi thắc mắc về chăm sóc, bệnh tật, thuốc, dinh dưỡng và vận động đều được giải đáp qua **tư vấn trực tuyến**.
- Điều dưỡng dựa trên **dữ liệu sức khỏe** của bạn để đưa ra lời khuyên chăm sóc cá nhân hóa hằng ngày.
- Khi dữ liệu bất thường, điều dưỡng chủ động liên hệ đánh giá và cung cấp **báo cáo bất thường** giúp bác sĩ điều trị chính xác hơn.
- Mỗi quý tổ chức **buổi chia sẻ về CSDH** cho gia đình và người dân, hướng dẫn kỹ năng và cách dùng nguồn lực.



Thêm **LINE 照伴隨** để nhận tư vấn CSDH và lịch **buổi chia sẻ hàng quý**, cũng có thể **tra cứu trực tuyến**.



Bắt đầu xin CSDH

1

Gọi 1966
hoặc đăng ký
online

2

Thăm định tại nhà
xác định cấp &
mức

3

Lập kế hoạch
kết nối dịch vụ

4

Bắt đầu dịch vụ
đơn vị hợp đồng



Phục vụ đa ngôn ngữ

Tiếng Việt

Bahasa Indonesia

English

日本語

中文

Dành cho lao động chăm sóc nước ngoài và gia đình cư dân mới; có thể yêu cầu tờ rơi và bản mô tả dịch vụ theo ngôn ngữ tương ứng.